ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BẠCH ĐẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5300/QĐ-UBND	*Bạch Đằng, ngày 04 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 01 (khu vực phát triển đô thị trung tâm phía Đông, Thủy Nguyên) địa bàn phường Bạch Đằng

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BẠCH ĐẰNG

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Luật số 144/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (gọi tắt là Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD);

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng ban hành quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-TTg ngày 13/5/2025 của Thủ tướng Chính

phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 162/2025/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định một số nội dung về quy hoạch đô thị và nông thôn; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 1 (Khu vực phát triển đô thị trung tâm phía Đông, Thủy Nguyên);

Căn cứ Quyết định số 3054/QĐ-UBND ngày 01/8/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị mới Thủy Nguyên đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định 1075/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Bạch Đằng về việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công cơ sở nhà, đất Kho dự trữ Nhà nước Ngũ Lão;

Căn cứ Quyết định số 4198/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của Ủy ban nhân dân phường Bạch Đằng về việc giao nhiệm vụ lập đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch trên địa bàn phường Bạch Đằng;

Căn cứ Thông báo số 451/TB-VP ngày 13/8/2026 về Kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Lê Trung Kiên tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ thực hiện lập đề xuất đầu tư Dự án tuyến đường Vành đai 2 (đoạn từ đường Nguyễn Trường Tộ, phường An Hải đến chân cầu Bến Lâm phía phường Thủy Nguyên). Công văn hướng dẫn số 11949/SXD-PTĐT ngày 7/10/2026, về triển khai việc lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu số 1 và số 2 đối với phạm vi khu đất đối ứng Dự án tuyến đường Vành đai (đoạn từ đường Nguyễn Trường Tộ, phường An Hải đến chân cầu Bến Lâm phía phường Thủy Nguyên);

Căn cứ Thông báo số 549/TB-VP ngày 15/9/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về kết luận của đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại buổi làm việc với các phường, xã: Thủy Nguyên, Thiên Hương, Bạch Đằng, Lê Ích Mộc, Lưu Kiếm, Hòa Bình, Nam Triệu, Việt Khê về tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội và kiểm tra một số dự án đầu tư trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Thông báo kết luận số 134-TB/ĐU ngày 22/5/2026 của Ban thường vụ Đảng ủy về việc quản lý, sử dụng các trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư trên địa bàn phường;

Căn cứ Thông báo kết luận của Ban thường vụ Đảng ủy phường Bạch Đằng số 243-TB/ĐU ngày 28/9/2026 về điều chỉnh cục bộ Quy hoạch trên địa bàn phường;

Căn cứ Công văn số 880/UBND-TC ngày 10/5/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc tăng cường quản lý, sắp xếp, sử lý nhà đất trên địa bàn thành phố.

Căn cứ Công văn số 11827/SXD-PTĐT ngày 05/10/2026 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch trên địa bàn phường Bạch Đằng;

Căn cứ Công văn số 11949/SXD-PTĐT ngày 07/10/2026 của Sở Xây dựng về việc triển khai lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu số 1 và phân khu số 2 đối với phạm vi khu đất đối ứng Dự án tuyến đường Vành đai 2;

Căn cứ Công văn số 13098/SXD-PTĐT ngày 29/10/2026 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu số 1 địa bàn phường Bạch Đằng;

Căn cứ Thông báo số 05/TB-HĐTĐQH ngày 3/11/2026 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn phường Bạch Đằng về nội dung Đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 01 (khu vực phát triển đô thị trung tâm phía Đông, Thủy Nguyên) địa bàn phường Bạch Đằng;

Theo đề nghị của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Bạch Đằng tại Tờ trình số 80/TTr-VP ngày 03/11/2026; Kết quả thẩm định của phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 27/BC-XDNN&MT ngày 04/11/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 01 (khu vực phát triển đô thị trung tâm phía Đông, Thủy Nguyên) địa bàn phường Bạch Đằng với nội dung sau:

1. Tên đồ án:

Đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 01 (khu vực phát triển đô thị trung tâm phía Đông, Thủy Nguyên) địa bàn phường Bạch Đằng.

2. Phạm vi và quy mô nghiên cứu:

- Phạm vi: các ô V.1-2, V.1-20, V.1-23, V.1-29, V.1-30, V.1-34, V.1-35, V.1-36, V.1-37, V.1-38, V.1-39, V.1-6 và một phần ô V.1-5 thuộc Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 1, địa bàn phường Bạch Đằng.

- Quy mô: khoảng 90,65ha, gồm 02 vị trí: Vị trí 1 (ô V.1-2) khoảng 3,79ha; Vị trí 2 (các ô còn lại) khoảng 86,86ha.

3. Tính chất và chức năng khu vực lập quy hoạch:

- Tính chất: Giữ nguyên tính chất là khu vực phát triển đô thị trung tâm phía Đông theo định hướng Quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt.

- Chức năng: điều chỉnh chức năng sử dụng đất tại một số lô đất để mở rộng khu tái định cư, bố trí quỹ đất đối ứng dự án hạ tầng, xử lý nhà đất dôi dư và cập nhật hiện trạng.

4. Nội dung điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất:

Trên cơ sở định hướng tại Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố, nội dung điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tại đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 01 (khu vực phát triển đô thị trung tâm phía Đông, Thủy Nguyên) địa bàn phường Bạch Đằng bao gồm:

- Vị trí 1:

+ Ô V.1-2: Có chức năng Bãi đỗ xe (P) sang đất dân cư đô thị hóa (O1)

- Vị trí 2:

+ Ô V.1-20: Giữ nguyên chức năng Đất quốc phòng (Qp) và Trường mầm non (Mn), điều chỉnh Đất cây xanh sử dụng công cộng (X2), Bãi đỗ xe (P) thành Đất ở mới (TĐC&NOXH,) đất dự trữ phát triển (O2).

+ Ô V.1-23: Giữ nguyên chức năng Đất ở mới (TĐC&NOXH,) đất dự trữ phát triển (O2).

+ Ô V.1-29: Điều chỉnh một phần ô đất chức năng Đất ở mới (TĐC&NOXH,) đất dự trữ phát triển (O2) thành Đất ở mới (TĐC&NOXH,) đất dự trữ phát triển (O2) và đất Đất cây xanh sử dụng công cộng (X2), giữ nguyên chức năng Đất khu dân cư đô thị hóa (O1).

+ Ô V.1-30: Giữ nguyên các chức năng Đất cây xanh sử dụng công cộng (X2), Mặt nước (Nu), Công trình văn hóa đô thị (Cc), Bãi đỗ xe (P).

+ Ô V.1-34: Điều chỉnh gộp Đất cây xanh – TDTT (X1) và Đất khu dân cư đô thị hóa (O1) thành Đất khu dân cư đô thị hóa (O1).

+ Ô V.1-35: Giữ nguyên các chức năng Đất khu dân cư đô thị hóa (O1), Chùa My Đông (Tg), điều chỉnh chức năng đất Nhà văn hóa (Cc) thành Đất dịch vụ (Dv).

+ Ô V.1-36: Giữ nguyên các chức năng đất cây xanh chuyên dụng (X4), Mặt nước (Nu).

+ Ô V.1-37: Giữ nguyên các chức năng Đất khu dân cư đô thị hóa (O1), Trường tiểu học Ngũ Lão (Th).

+ Ô V.1-38: Giữ nguyên các chức năng Đất khu dân cư đô thị hóa (O1), Trường THCS Ngũ Lão (Cs), trường tiểu học (Th).

+ Ô V.1-39: Điều chỉnh Đất an ninh (An) sang đất ở, Đất khu dân cư đô thị hóa (O1), Đất cơ quan (Cq) một phần sang đất văn hóa (Cc).

+ Ô V.1-6: Điều chỉnh tách thành Ô V.1-6.4 có chức năng mặt nước (Nu), đất cây xanh sử dụng công cộng (X2), Miếu Thần Hoàng (Tg), hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ (Hh), đất hỗn hợp, thương mại, dịch vụ (Dv); ô V.1-6.1 có chức năng hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ (Hh); ô V.1-6.2 có chức năng hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ (Hh); ô V.1-6.3 có chức năng hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ (Hh).

+ Một phần ô V.1-5: Giữ nguyên các chức năng đất đất cây xanh sử dụng công cộng (X2) và đất tôn giáo (Tg)

+ Bổ sung quy hoạc đất giao thông sử dụng chung.

Nội dung điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được thống kê chi tiết tại bảng sau:

Bảng so sánh điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

BẢNG SO SÁNH ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT								
STT	**Theo Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu số 1 (khu vực phát triển đô thị trung tâm phía Đông, Thủy Nguyên) đã được UBND thành phố phê duyệt tại quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 18/6/2024**			**Theo điều chỉnh quy hoạch kỳ này**				**Tăng - giảm diện tích (ha)**
	Ký hiệu	**Tính chất**	**Diện tích (Ha)**	**STT**	**Ký hiệu**	**Tính chất**	**Diện tích (Ha)**	
I	**Vị trí 1:**		**3,79**	**I**	**Vị trí 1:**		**3,79**	**0,00**
1	Ô V.1-2		3,79		Ô V.1-2		3,79	0,00
	P	Bãi đỗ xe	3,79		O1	Đất dân cư đô thị hóa	3,79	0,00
II	**Vị trí 2:**		**86,86**	**II**	**Vị trí 2:**		**86,86**	**0,00**
1	Ô V.1-20		6,13	1	Ô V.1-20		6,13	0,00
	Qp	Đất quốc phòng	2,90		Qp	Đất quốc phòng	2,90	0,00
	Mn	Trường mầm non	0,77		Mn	Trường mầm non	0,77	0,00
	X2	Đất cây xanh sử dụng công cộng	0,83		O2	Đất ở mới (TĐC&NOXH,) đất dự trữ phát triển	2,46	1,63
	P	Bãi đỗ xe	1,62					-1,62
2	Ô V.1-23		2,67	2	Ô V.1-23		2,67	0,00
	O2	Đất ở mới (TĐC&NOXH,) đất dự trữ phát triển	2,67		O2	Đất ở mới (TĐC&NOXH,) đất dự trữ phát triển	2,67	0,00
3	Ô V.1-30		17,00	3	Ô V.1-30		17,00	0,00

	X2	Đất cây xanh sử dụng công cộng	1,71		X2	Đất cây xanh sử dụng công cộng	2,04	0,33
	Nu	Mặt nước	2,23		Nu	Mặt nước	2,20	-0,03
	Cc	Công trình văn hóa đô thị	6,83		Cc	Công trình văn hóa đô thị	6,55	-0,28
	P	Bãi đỗ xe	6,23		P	Bãi đỗ xe	6,21	-0,02
4	Ô V.1-29		5,06	4	Ô V.1-29		5,06	0,00
	O1	Đất khu dân cư đô thị hóa	1,58		O1	Đất khu dân cư đô thị hóa	1,59	0,01
	O2	Đất ở mới (TĐC&NOXH,) đất dự trữ phát triển	3,49		O2	Đất ở mới (TĐC&NOXH,) đất dự trữ phát triển	2,64	-0,85
					X2	Đất cây xanh sử dụng công cộng	0,83	0,83
5	Ô V.1-34		5,45	5	Ô V.1-34		5,45	0,00
	O1	Đất khu dân cư đô thị hóa	5,31		O1	Đất khu dân cư đô thị hóa	5,45	0,14
	X1	Đất cây xanh - TDTT	0,14					-0,14
6	Ô V.1-35		3,62	6	Ô V.1-35		3,62	0,00
	O1	Đất khu dân cư đô thị hóa	2,24		O1	Đất khu dân cư đô thị hóa	2,18	-0,06
	Tg	Chùa My Đông	1,11		Tg	Chùa My Đông	1,05	-0,06
	Cc	Nhà văn hóa	0,27		Dv	Đất dịch vụ	0,39	0,12
7	Ô V.1-36		1,66	7	Ô V.1-36		1,66	0,00
	X4	Đất cây xanh chuyên dụng	0,88		X4	Đất cây xanh chuyên dụng	0,88	0,00
	Nu	Mặt nước	0,78		Nu	Mặt nước	0,78	0,00
8	Ô V1-37		4,19	8	Ô V1-37		4,19	0,00
	O1	Đất khu dân cư đô thị hóa	3,89		O1	Đất khu dân cư đô thị hóa	3,89	0,00
	Th	Trường tiểu học Ngũ Lão	0,30		Th	Trường tiểu học Ngũ Lão	0,30	0,00
9	Ô V.1-38		5,52	9	Ô V.1-38		5,52	0,00
	Cs	Trường THCS Ngũ Lão	0,59		Cs	Trường THCS Trần Quốc Bảo	0,76	0,17
	Th	Trường tiểu học	0,88		Th	Trường tiểu học	0,57	-0,31
	O1	Đất khu dân cư đô thị hóa	4,05		O1	Đất khu dân cư đô thị hóa	4,19	0,14
10	Ô V.1-39		5,09	10	Ô V.1-39		5,09	0,00

	An	Đất an ninh	0,11		Cc	Nhà văn hóa	0,08	-0,03
	Cq	Đất cơ quan	1,43		Cq	Đất cơ quan	0,76	-0,67
	O1	Đất khu dân cư đô thị hóa	3,55		O1	Đất khu dân cư đô thị hóa	4,25	0,70
11	Ô V.1-6		15,71	11	Ô V.1-6.4		9,20	-6,51
	Tg	Miếu Thần Hoàng	0,13		Tg	Miếu Thần Hoàng	0,13	0,00
	Nu	Mặt nước	0,79		Nu	Mặt nước	1,06	0,27
	X2	Đất cây xanh sử dụng công cộng	14,79		X2	Đất cây xanh sử dụng công cộng	2,56	-12,23
					Hh	Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	2,11	2,11
					Dv	Đất dịch vụ	3,34	3,34
				12	Ô V.1-6.1		2,49	2,49
					Hh	Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	2,49	2,49
				13	Ô V.1-6.2		1,07	1,07
					Hh	Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	1,07	1,07
				14	Ô V.1-6.3		1,59	1,59
					Hh	Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	1,59	1,59
12	Một phần ô V.1-5		5,96	15	Một phần ô V.1-5		5,86	-0,10
	X2	Đất cây xanh sử dụng công cộng	4,78		X2	Đất cây xanh sử dụng công cộng	4,69	-0,09
	Tg	Đất tôn giáo	1,18		Tg	Đất tôn giáo	1,17	-0,01
13		Đất giao thông sử dụng chung	8,80	16		Đất giao thông sử dụng chung	10,26	1,46
Tổng diện tích			**90,65**				**90,65**	**0,00**

Bảng thống kê quy hoạch sử dụng đất sau điều chỉnh

BẢNG THỐNG KÊ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT SAU ĐIỀU CHỈNH								
STT	**KÝ HIỆU**	**Chức năng sử dụng đất**	**Diện tích (ha)**	**Tầng cao**		**Tầng hầm**	**Mật độ xây dựng (%)**	**Hệ số SDĐ (lần)**
				Tối thiểu	**Tối đa**			
1	P	Bãi đỗ xe	6,21					
2	Qp	Đất quốc phòng	2,9					
3	Mn	Trường mầm non	0,77	1	3		40	1,2
4	X2	Đất cây xanh sử dụng công cộng	10,12					

5	X4	Đất cây xanh chuyên dụng	0,88					
6	Nu	Mặt nước	4,04					
7	O1	Đất khu dân cư đô thị hóa	25,34	1	7	1	55	3,85
8	O2	Đất ở mới, dự trữ phát triển	15,03	1	7	1	50	3,5
9	Cc	Công trình văn hóa đô thị	6,63	1	15	5	40	6
10	Th	Trường tiểu học	0,87	1	5	2	40	2
11	Cs	Trường THCS Ngũ Lão	0,76	1	5	2	40	2
13	Cq	Đất cơ quan	0,76	1	7	2	40	2,8
14	Tg	Đất tôn giáo	2,35					
15	Dv	Đất dịch vụ	3,73	1	15	5	40	6
16	Hh	Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	7,26	1	35	5	50	13
17		Đất giao thông sử dụng chung	10,26					
Tổng diện tích			90,65					

5. Nội dung về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

Các nội dung về hạ tầng kỹ thuật tại khu vực điều chỉnh được tính toán cụ thể trong quá trình thực hiện dự án tuân thủ theo QCVN 01: 2021/BXD và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan hiện hành; đảm bảo không làm quá tải lên hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực theo định hướng tại Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 01 (khu vực phát triển đô thị trung tâm phía Đông, Thủy Nguyên) địa bàn phường Bạch Đằng đã được phê duyệt và các đồ án quy hoạch khác có liên quan.

6. Các nội dung khác:

Các nội dung khác giữ nguyên theo Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 01 (khu vực phát triển đô thị trung tâm phía Đông, Thủy Nguyên) địa bàn phường Bạch Đằng đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 18/6/2024.

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan và tổ chức thực hiện:

- Văn phòng Hội đồng nhân dân & Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; sau khi đồ án được phê duyệt, tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định của pháp luật.

- Văn phòng Hội đồng nhân dân & Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) sau khi được phê duyệt đồ án, đảm bảo phù hợp với các nội dung kỹ thuật về cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn, phối hợp với phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường đóng dấu, cập nhật, lưu trữ, gửi hồ sơ đã được thẩm định và phê duyệt qua hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng, hồ sơ đến Sở Xây dựng.

- Giao Văn phòng Hội đồng nhân dân & Ủy ban nhân dân phường phối hợp với phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường và các cơ quan liên quan công bố công khai Đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 01 (khu vực phát triển đô thị trung tâm phía Đông, Thủy Nguyên) địa bàn phường Bạch Đằng đã được phê duyệt.

- Đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 01 (khu vực phát triển đô thị trung tâm phía Đông, Thủy Nguyên) địa bàn phường Bạch Đằng được duyệt là căn cứ để triển khai các đồ án Quy hoạch tổng mặt bằng/ Quy hoạch chi tiết phục vụ đầu tư xây dựng dự án.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân & Ủy ban nhân dân phường; Trưởng phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND phường;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, P.XDNN&MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG BẠCH ĐẰNG TP HẢI PHÒNG

Nguyễn Hoàng Minh